

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS-PT

Ngày: 18 - 01 - 2019

V/v Đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Sáng

Ông Hoàng Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 275/2018/TLPT-DS ngày 15 tháng 8 năm 2018 về việc “Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2016/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1884/2018/QĐ - PT ngày 20 tháng 12 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965; Địa chỉ: 40295 Highway 23 Pobox 166 Boothville, LA 70038-0000, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1964; Địa chỉ: 55F khu phố 1, phường P1, thành phố E, tỉnh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền ngày 27/10/2015) (có mặt)

- *Bị đơn:* Trần Anh T, sinh năm 1967; Địa chỉ: 131B5 khu phố 5, phường P2, thành phố E, tỉnh Bến Tre (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trần Quang T1 – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Trần Thị Anh P, sinh năm

1969; Địa chỉ: 2412 Rue Notre Dame Terry town LA 70056 USA (Hoa Kỳ) (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- *Viện kiểm sát có kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải ngày 17/5/2016 nguyên đơn ông Nguyễn Văn H ủy quyền cho ông Huỳnh Văn B trình bày:

Vào ngày 18/4/2013, ông Nguyễn Văn H có nhờ ông Trần Anh T gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng G chi nhánh Bến Tre (sau đây gọi tắt là Ngân hàng G Bến Tre) với số tiền gửi là 900.000.000 đồng và 5000 USD. Ông H có yêu cầu ông T đổi 5.000 USD ra thành tiền Việt là 100.000.000 đồng để gửi đủ 01 tỷ đồng nhưng theo số liệu Ngân hàng G chi nhánh Bến Tre cung cấp thì ông T chỉ gửi đủ ông H 900.000.000 đồng, còn 5.000 USD thì ông T không có gửi mà chiếm đoạt luôn. Số tiền 900.000.000 đồng ông T gửi đủ ông H hiện nay ông T đã rút hết vốn và lãi mà không có trả cho ông H. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu ông T trả lại cho ông H số tiền vốn gốc là 900.000.000 đồng và 5.000 USD (số tiền này đổi ra tiền Việt là 100.000.000 đồng) và yêu cầu ông T trả cho ông số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước quy định (Số tiền lãi tạm tính đến ngày 17/7/2014 là 129.945.000 đồng). Như vậy, tổng số tiền ông H yêu cầu ông T phải trả là 1.129.945.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.000 USD (số tiền này đổi ra tiền Việt là 100.000.000 đồng) ông H chỉ yêu cầu ông T phải trả ông 900.000.000 đồng và 129.945.000 đồng tiền lãi.

Theo biên bản hòa giải ngày 07/5/2016, bản tự khai bị đơn ông Trần Anh T trình bày:

Vào khoảng thời gian trước ngày 18/4/2013, vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Anh P có về Việt Nam thăm gia đình và cư ngụ tại nhà ông ở số 131B5, khu phố 5, phường P2, thành phố E, tỉnh Bến. Khi đó, vợ chồng ông H, bà P có nguyện vọng gửi số tiền 900.000.000 đồng tại Ngân hàng G chi nhánh Bến Tre và nhờ ông nhận ủy quyền số tiền trên vì lý do ông H, bà P không thường xuyên ở Việt Nam. Vợ chồng ông H, bà P đã thỏa thuận trong văn bản ủy quyền cho ông được toàn quyền sử dụng tài khoản tiền gửi. Thời hạn gửi tiền

là 15 tháng kể từ ngày 18/4/2013 đến ngày 18/7/2014. Và vào ngày gửi tiền (ngày 18/4/2013) ông H là người đứng tên gửi 900.000.000 đồng vào Ngân hàng và ông H là người đứng tên sổ tiết kiệm, sau đó mới làm thủ tục ủy quyền tài khoản cho ông.

Trước mấy ngày đến hạn ngày 18/7/2014, ông có điện thoại qua Mỹ đề bàn bạc về số tiền 900.000.000 đồng và gặp bà P nghe điện thoại, ông có cho bà P biết đã đến hạn 15 tháng gửi tiền để vợ chồng ông H, bà P về Việt Nam làm thủ tục đáo hạn. Nhưng vợ chồng ông H, bà P bận công việc không thể về Việt Nam vào thời điểm đó được nên ông H, bà P đã nhờ ông đứng tên tài khoản dùm. Do đó, Ngân hàng đã chuyển từ tên Nguyễn Văn H sang tên Trần Anh T và thời hạn gửi tiếp từ 18/7/2014 - 18/10/2015. Tuy nhiên, đến đầu tháng 02/2015 bà P có về Việt Nam nên ông đã giao 129.000.000 đồng tiền lãi cho bà P. Khoảng hai tuần sau đó, do bàn bạc vợ chồng với nhau thì bà P nói là có nhu cầu cần tiền gấp nên bà P đã yêu cầu ông rút 900.000.000 đồng, ông có liên hệ với Ngân hàng và Ngân hàng trả lời là chỉ còn 04 tháng nữa sẽ đáo hạn gửi tiền, nếu rút tiền trước sẽ mất lãi suất mà vợ chồng ông H thì cần tiền gấp nên ông đã lấy tiền của ông ứng trước số tiền 900.000.000 đồng đưa cho vợ chồng ông H (bà P) và bà P có thông báo việc này cho ông H biết, ông H không có ý kiến gì.

Còn đối với số tiền 5.000 USD ông H, bà P không có gửi Ngân hàng và cũng không có ủy quyền cho ông về số tiền này nên ông không biết. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H là ông không đồng ý vì ông không còn liên quan gì đến số tiền 900.000.000 đồng nêu trên và số tiền 5.000 USD là không có gửi cho ông. Do đó, ông không đồng ý trả số tiền này cho ông H vì không còn liên quan gì đến số tiền này nữa.

Theo biên bản hòa giải ngày 17/5/2016, bản tường trình ngày 31/5/2016 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị Anh P trình bày:

Bà định cư tại Mỹ vào năm 1990, sau đó vài năm thì bà có gửi tiền về Việt Nam nhờ cô của bà là bà Trần Thị Kim H1 cất hộ. Năm 1999, bà kết hôn với ông Nguyễn Văn H, sau khi kết hôn bà và ông H cùng nhau tiếp tục đem tiền về Việt Nam cho bà H1 gửi ngân hàng dùm. Đến năm 2013, số tiền đã gửi về Việt Nam được 900.000.000 đồng. Do lớn tuổi nên bà H1 đề nghị trả lại số tiền này cho vợ chồng bà. Ngày 18/4/2013, bà H1 rút tiền ở ngân hàng trả lại cho vợ chồng bà tại nhà ông Trần Anh T, sau đó vợ chồng bà thống nhất để ông H đứng tên gửi số tiền này vào Ngân hàng G chi nhánh Bến Tre và ủy quyền toàn bộ số tiền trên cho ông T do vợ chồng bà không thường xuyên có mặt tại Việt Nam, thời hạn gửi tiền là 15 tháng từ 18/4/2013 đến ngày 18/7/2014.

Trước khi đến ngày 18/7/2014, ông T có điện thoại sang Mỹ báo cho vợ

chồng bà biết nhưng do không thể về Việt Nam nên vợ chồng bà nhờ ông T chuyển đứng tên dùm số tiền 900.000.000 đồng, thời hạn gửi là 15 tháng từ ngày 18/7/2014 đến 18/10/2015. Đến tháng 02/2015 bà có nhận của ông T đưa 129.000.000 đồng tiền lãi của 15 tháng gửi tiền. Do sau đó có nhu cầu cần tiền gấp nên vợ chồng bà có yêu cầu ông T rút số tiền 900.000.000 đồng dùm. Lúc này Ngân hàng nói rút tiền trước thời hạn sẽ mất lãi suất nên ông T bằng mọi cách đã vay mượn đưa cho bà 900.000.000 đồng, bà có báo cho chồng bà là ông H biết chuyện này. Còn số tiền 5.000 USD vợ chồng bà không có gửi cho ông T mà giữ lại để bà và ông H chi xài, mua sắm đồ đạc trong thời gian ở Việt Nam.

Hiện nay, bà và ông H vẫn còn trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp, chưa có quyết định giải quyết ly hôn, đồng thời bà và ông H là công dân Mỹ nên nếu bà và ông H có ly hôn thì số tiền 900.000.000 đồng này là tài sản chung của bà và ông H sẽ được giải quyết theo pháp luật Mỹ. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án trả lại đơn kiện cho ông H vì ông T không có liên quan đến số tiền này. Do bận công việc không thể về Việt Nam nên bà đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2016/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c, khoản 1, Điều 37, Điều 147, Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với ông Trần Anh T về việc đòi lại số tiền 5.000 USD.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với ông Trần Anh T về việc đòi lại số tiền 1.029.945.000 đồng (gồm 900.000.000 đồng tiền gốc và 129.945.000 tiền lãi).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm:

- Ngày 28/11/2016, ông Huỳnh Văn B - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

- Ngày 15/12/2016, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị số 01/KNPT-DS ngày 15/12/2016, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm số 10/2016/DSST ngày

16/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre với lý do bản án sơ thẩm số 10/2016/DSST ngày 16/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dẫn đến nhận định và quyết định trong bản án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích chính đáng của ông Nguyễn Văn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông H nêu đã được nộp trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Nay ông không nộp bổ sung thêm chứng cứ gì mới, nhưng ông cho rằng Tòa cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ một cách không đúng nên dẫn đến việc phán quyết không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là sai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ông B xác nhận nội dung vụ việc gửi tiền và làm ủy quyền như bị đơn trình bày. Ngoài ra, hai bên không làm thỏa thuận nào khác bằng văn bản.

Bị đơn ông Trần Anh T trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngoài ra, ông nộp thêm chứng cứ mới là giấy ủy quyền giữa ông H và ông về việc ông H còn đồng ý cho ông T cầm cố, thế chấp tài khoản tiết kiệm số STK FD1120201 ngày phát hành 18/04/2013, giấy xác nhận ly thân có hợp pháp hóa lãnh sự giữa và Phụng và ông H sau ngày 18/10/2015.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Đề nghị bác đơn kháng cáo, bác kháng nghị và giữ nguyên án sơ thẩm, với lý do đại diện nguyên đơn nhằm lẫn về việc ủy quyền, đối với giấy ủy quyền thứ nhất có tại hồ sơ thì ông T toàn quyền định đoạt đối với số tiết kiệm, nếu ông T rút trước hạn thì là chuyện khác, nhưng ông T rút tiền đúng hạn, nếu ông T sai phạm thì sao ông H không khởi kiện liền khi hết hạn, mà đến 15 tháng sau khi hết hạn gửi tiết kiệm mới khởi kiện. Khi ông H không về Việt Nam thì có yêu cầu ông T gửi tiết kiệm tiếp, ông T có thông báo việc gửi tiền qua điện thoại cho ông H, lý giải vì sao liên tục 1 năm sau khi hết hạn gửi tiền tiết kiệm mà ông H không ý kiến gì về việc ông T rút tiền và lý giải được vì sao ông T gửi tiền vào tài khoản mang tên ông. Tại thời điểm 18/4/2013 thì ông T, bà P có đăng ký tạm trú tại nhà ông T theo công văn số 104 ngày 18/7/2016 của Công an. Sáng nay tôi có nộp xác nhận việc rút tiền của bà H1, là dì ông H vào 17/4/2013, sau đó ngày 18/4/2013 mới ủy quyền cho ông T đứng tên. Theo quy định chung thì nguồn gốc số tiền phù hợp lời khai của bà H1. Tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân không

chứng minh được thì là tài sản chung của vợ chồng, nên cho rằng tiền này là tài sản riêng của ông H là không chính xác. Bản án sơ thẩm xét xử là đúng pháp luật, đề nghị bác đơn kháng cáo và bác kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt lại nội dung vụ án, lời khai của các đương sự và các chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng bản án sơ thẩm số 10/2016/DSST ngày 16/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung dẫn đến nhận định và quyết định trong bản án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích chính đáng của ông Nguyễn Văn H. Từ những phân tích trên, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh – Hủy bản án sơ thẩm số 10/2016/DSST ngày 16/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Văn H khởi kiện ông Trần Anh T yêu cầu ông T phải trả cho ông số tiền 1.129.945.000 đồng (gồm 900.000.000 đồng tiền gửi, 129.945.000 đồng tiền lãi và 5.000 USD quy đổi thành tiền Việt Nam là 100.000.000 đồng) nên căn cứ Điều 169 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp về đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. ông H hiện nay đang cư trú tại 40295 Highway 23 Pobox 166 Boothville, LA 70038-0000, Hoa Kỳ nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án theo đúng quy định của luật Tố tụng dân sự hiện hành

[2] Về nhận định, đánh giá chứng cứ và phán quyết của bản án sơ thẩm xét thấy:

- Phía nguyên đơn ông H khởi kiện cho rằng ông Nguyễn Văn H đã đưa cho ông Trần Anh T khoản tiền 900.000.000 đồng để nhờ ông Anh T gửi tiết kiệm giùm tại Ngân hàng G. Nay ông Anh T đã rút khoản tiền trên nhưng không trả cho ông H nên ông H khởi kiện đòi ông Anh T trả lại khoản tiền trên. Tuy nhiên, ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho phần trình bày của mình. Phía bị đơn ông Anh T cho rằng vào khoảng thời gian trước ngày

18/4/2013, vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Anh P có về Việt Nam thăm gia đình và cư ngụ tại nhà ông ở số 131B5, khu phố 5, phường P2, thành phố E, tỉnh Bến Tre. Khi đó, vợ chồng ông H, bà P có nguyện vọng gửi số tiền 900.000.000 đồng tại Ngân hàng G chi nhánh Bến Tre và nhờ ông nhận ủy quyền số tiền trên vì lý do ông H, bà P không thường xuyên ở Việt Nam. Vợ chồng ông H, bà P đã thỏa thuận trong văn bản ủy quyền cho ông được toàn quyền sử dụng tài khoản tiền gửi. Thời hạn gửi tiền là 15 tháng kể từ ngày 18/4/2013 đến ngày 18/7/2014. Và vào ngày gửi tiền (ngày 18/4/2013) ông H là người đứng tên gửi 900.000.000 đồng vào Ngân hàng và ông H là người đứng tên sổ tiết kiệm, sau đó mới làm thủ tục ủy quyền tài khoản cho ông. Nội dung ông Anh T trình bày có chứng cứ chứng minh là các văn bản tại Ngân hàng G chi nhánh Bến Tre và lời xác nhận của bà P vợ ông H. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm ông Huỳnh Văn B đại diện ủy quyền của nguyên đơn cũng xác nhận nội dung này. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xác định nội dung vụ việc như phần trình bày của phía bị đơn.

- Quan hệ tranh chấp phát sinh từ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn không được phía bị đơn đồng ý và cho rằng: Trước mấy ngày đến hạn ngày 18/7/2014, bị đơn có điện thoại qua Mỹ để bàn bạc về số tiền 900.000.000 đồng và gặp bà P nghe điện thoại, ông có cho bà P biết đã đến hạn 15 tháng gửi tiền để vợ chồng ông H, bà P về Việt Nam làm thủ tục đáo hạn. Nhưng vợ chồng ông H, bà P bận công việc không thể về Việt Nam vào thời điểm đó được nên ông H, bà P đã nhờ ông đứng tên tài khoản dùm. Do đó, Ngân hàng đã chuyển từ tên Nguyễn Văn H sang tên Trần Anh T và thời hạn gửi tiếp từ 18/7/2014 - 18/10/2015. Tuy nhiên, đến đầu tháng 02/2015 bà P có về Việt Nam nên ông đã giao 129.000.000 đồng tiền lãi cho bà P. Khoảng hai tuần sau đó, do bàn bạc vợ chồng với nhau thì bà P nói là có nhu cầu cần tiền gấp nên bà P đã yêu cầu ông rút 900.000.000 đồng, ông có liên hệ với Ngân hàng và Ngân hàng trả lời là chỉ còn 04 tháng nữa sẽ đáo hạn gửi tiền, nếu rút tiền trước sẽ mất lãi suất mà vợ chồng ông H thì cần tiền gấp nên ông đã lấy tiền của ông, số tiền 900.000.000 đồng đưa cho vợ chồng ông H (bà P) và bà P có thông báo việc này cho ông H biết, ông H không có ý kiến gì.

[3] Ông Nguyễn Văn H nhân danh cá nhân gửi 900.000.000 đồng tại Ngân hàng G chi nhánh Bến Tre vào ngày 18/4/2013, thời hạn gửi là 15 tháng đến ngày 18/7/2014. Cùng ngày 18/4/2013, ông H làm “Giấy ủy quyền sử dụng tài khoản tiền gửi tại G” cho ông Trần Anh T có xác nhận của Ngân hàng G. Do vậy, ông T rút số vốn 900.000.000 đồng, lãi 129.945.000 đồng vào ngày 18/7/2014 là đúng nội dung giấy ủy quyền không không có lỗi. Việc ông T lại giao toàn bộ tiền vốn và lãi cho bà Trần Thị Anh P cũng không vi phạm phạm vi

ủy quyền và nghĩa vụ của bên được ủy quyền theo nội dung ủy quyền giữa ông Anh T và ông H. Vì theo Ngân hàng xác định “Toàn quyền sử dụng tài khoản” là người được ủy quyền có thể thực hiện quyền và nghĩa vụ như chủ sở hữu tiền gửi, ngoại trừ giao dịch cầm cố tài khoản tiền gửi để vay vốn tại G, giao dịch chuyển nhượng quyền sở hữu tiền gửi.

Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm cho rằng ông H và bà P là vợ chồng, tài sản trong thời kỳ hôn nhân. Nếu ly hôn ở Hoa Kỳ thì Tòa án của Hoa Kỳ sẽ giải quyết tài sản vợ chồng. Từ đó, bác yêu cầu khởi kiện của ông H đòi tiền ông T là chưa chính xác mà phải căn cứ nội dung ủy quyền giữa ông H và ông T để xác định việc ông T có toàn quyền định đoạt số tiền gốc 900.000.000 đồng và lãi phát sinh trong tài khoản tiết kiệm số STK FD1120201 ngày phát hành 18/04/2013, để bác yêu cầu thì mới có căn cứ pháp luật.

Hơn nữa, căn cứ nội dung văn bản ủy quyền số 049/UQ-G-CNBT1.13 ngày 18/4/2013, thể hiện người được ủy quyền ông Trần Anh T được toàn quyền sử dụng tài khoản tiết kiệm số STK FD1120201 ngày phát hành 18/04/2013 của ông Nguyễn Văn H. Từ nội dung ủy quyền trên thì ông T định đoạt khoản tiền trên khi hết hạn kỳ gửi bằng việc rút tiền ra không vi phạm nội dung ủy quyền. Ngoài nội dung ủy quyền thì không có thỏa thuận nào khác giữa ông T và ông H nên xác định vào thời điểm 18/7/2014 ông T không bị ràng buộc trong việc định đoạt khoản tiền trên. Nên ông Trần Anh T có sử dụng tiêu xài; gửi sổ tiết kiệm mới hoặc trả cho bà P, ông H toàn bộ 129.000.000 đồng tiền lãi và 900.000.000 đồng tiền gốc thông qua bà P đều đúng, không vi phạm thỏa thuận gì giữa ông T với ông H (Việc ông T trả lại toàn bộ số tiền gốc và lãi trong TK STK FD1120201 cho người nhận là vợ ông H đã được bà P xác nhận là đã nhận toàn bộ khoản tiền gốc và lãi). Do vậy, Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ pháp luật. Ông H xác định đó là tài sản riêng của mình thì có quyền khởi kiện vợ mình là bà P để đòi lại khoản tiền trên khi có nhu cầu.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Cụ thể: khi giải quyết vụ án phải có Ngân hàng tham gia với tư cách “Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan” trong vụ án để làm rõ trách nhiệm của Ngân hàng khi đồng ý cho ông T chuyển tiền từ tên ông H sang tên ông T, mà chỉ thu thập chứng cứ là không đầy đủ, đã vi phạm khoản 4 Điều 68, Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy, căn cứ nội dung ủy quyền số 049/UQ-G-CNBT1.13 ngày 18/4/2013 và nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Ngân hàng G chỉ là nhân chứng trong vụ kiện chứ không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan như nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định, bản án sơ thẩm số 10/2016/DSST ngày 16/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre phán xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không sai và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận nội dung đơn kháng cáo và yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

1/ Không chấp nhận nội dung Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2016/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 217, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

2/ Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với ông Trần Anh T về việc đòi lại số tiền 5.000 USD.

3/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với ông Trần Anh T về việc đòi lại số tiền 1.029.945.000 đồng (gồm 900.000.000 đồng tiền gốc và 129.945.000 tiền lãi).

4/ Các nội dung quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

5/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ theo biên lai thu tiền số 0003597 ngày 01/12/2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (ông Huỳnh Văn B nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng

Huỳnh Sáng

Phạm Thị Duyên